

Bản án số:36A/2025/DS-ST
Ngày: 10 – 9 - 2025
V/v tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thụy Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phạm Văn Sáu**
- Ông **Nguyễn Đức Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Hằng**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Châu Ngọc Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2025 về tranh chấp “nợ hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1971. Căn cước công dân số 095171003688, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn:* Bà **La Kim C**, sinh năm 1983 và ông **Võ Văn Q**, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1973. Căn cước công dân số 094073010942, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Đ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Nay là ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn T: Bà **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau).

(Bà H có mặt; ông Q, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2025, và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Bà H có làm chủ hội, ông Q, bà C có tham gia các dây hội do bà H làm chủ. Bà H xác định, bà H làm chủ hội dựa vào lòng tin hàng xóm, quen thuộc nên không có giấy tờ. Tuy nhiên ai hót hội, kỳ thứ mấy thì bà H đều có ghi lại; mặc dù bà H không lập danh sách hội đưa cho các hội viên nhưng bà H đều có sổ theo dõi, dây hội nào (chủ yếu các dây hội lớn), mở ngày nào, bao nhiêu chân, ai hót, hót ngày nào. Khi giao hội cho vợ chồng ông Q và bà C, bà H không làm giấy tờ. Cụ thể bà C, ông Q tham gia các dây hội sau và đã hót cụ thể:

- Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2014 âm lịch, sáu tháng khai lần, hội có 14 chân, bà C và ông Q tham gia 01 chân. Đến kỳ thứ tư ngày 10/7/2015 âm lịch, bà C và ông Q hót hội, để số tiền 2.250.000 đồng, hót được số tiền 42.500.000 đồng, đã trừ đầu thảo 2.500.000 đồng. Sau khi hót hội, bà C và ông Q có đóng lại hội chết đến kỳ thứ 9 (tính từ thời điểm khai hội), sang kỳ thứ 10 vợ chồng ông Q, bà C ngưng đóng hội chết cho bà H. Như vậy, để duy trì dây hội, bà H đứng ra đóng hội chết cho vợ chồng ông Q, bà C 05 kỳ (từ kỳ thứ 10 đến kỳ 14) tương đương số tiền 5 kỳ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 28/6/2017 âm lịch, hội có 26 chân, bà C và ông Q tham gia 02 chân, mãn hội ngày 28/6/2019 âm lịch. Đến kỳ thứ ba (ngày 28/8/2017 âm lịch), bà C và ông Q để số tiền 200.000 đồng, hót được số tiền 20.200.000 đồng, đã trừ đầu thảo 500.000 đồng. Tiếp tục kỳ thứ tư (28/9/2017 âm lịch), bà C và ông Q để số tiền 200.000 đồng, hót được số tiền 20.400.000 đồng. Sau khi hót hội, bà C và ông Q đóng hội chết đến hết kỳ thứ 9 nhằm ngày 28/01/2018 âm lịch, sang kỳ thứ 10 nhằm ngày 28/02/2018 âm lịch bà C và ông Q ngưng đóng chết và bà H đứng ra đóng thay 17 kỳ (từ kỳ 10 đến 26) tương đương số tiền 34.000.000 đồng, dây hội này đã mãn ngày 28/6/2019 âm lịch.

- Dây hội 500.000 đồng, mở ngày 08/5/2017 âm lịch, mỗi tháng khai 02 lần, hội có 45 chân, mãn hội ngày 08/3/2019 âm lịch, bà C và ông Q tham gia 03 chân, đều đã hót, cụ thể các kỳ như sau:

Kỳ 3 (chân 1) nhằm ngày 08/6/2017 âm lịch, để 150.000 đồng, hót được số tiền 15.100.000 đồng, đã trừ đầu thảo, bà H đã giao đủ tiền cho ông Q, bà C.

Kỳ 5 (chân 2) nhằm ngày 08/7/2017 âm lịch, để 150.000 đồng, hót được số tiền 15.700.000 đồng, đã trừ đầu thảo, bà H đã giao đủ tiền cho ông Q, bà C.

Kỳ 9 (chân 3) nhằm ngày 08/9/2017 âm lịch, để 150.000 đồng, hót được số tiền 16.350.000 đồng, đã trừ đầu thảo, bà H đã giao đủ tiền cho ông Q, bà C.

Sau khi hót hội, ông Q và bà C đã đóng hội chết đến hết kỳ 18 nhằm ngày 22/01/2018 âm lịch, sang kỳ 19 nhằm ngày 08/02/2018 âm lịch, ông Q, bà C ngưng đóng hội, bà H đứng ra đóng hội thay ông Q và bà C từ kỳ 19 đến kỳ 27, tương đương số tiền 40.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà C, ông Q với số tiền 6.000.000 đồng, cụ thể: Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 28/6/2017 âm lịch, bà H rút số tiền 4.000.000 đồng, cụ thể bà Trần Thị T1 (1.000.000 đồng, hót kỳ 10); bà Lê Thị T2 (1.000.000 đồng, hót kỳ 15); ông Trần Văn B (1.000.000 đồng, hót kỳ 16); bà Lê Thị T3 (1.000.000 đồng, hót kỳ 19). Dây hội 500.000 đồng, một tháng khai hai lần, mở ngày 08/5/2017 âm lịch, bà H rút số tiền 2.000.000 đồng, cụ thể: Bà Nguyễn Lan P (1.000.000

đồng, kỳ 19 và kỳ 29); Võ Thị Thu N (500.000 đồng, kỳ 27); bà N1 không rõ nên bà H cũng rút 500.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu ông Q và bà C trả cho vợ chồng bà Hằng số tiền hui mà bà H đứng ra đóng thay là 93.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông T thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đồng bị đơn bà La Kim C và ông Võ Văn Q không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do nhiều lần Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bà La Kim C và ông Võ Văn Q đến Tòa làm việc nhưng bà La Kim C và ông Võ Văn Q không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì bà La Kim C và ông Võ Văn Q không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn ông Q, bà C chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn Q bà La Kim C thanh toán tiền nợ hui tổng 03 dây hui cho bà H, ông T là 93.500.000 đồng (dây hui 5.000.000 đồng là 25.000.000 đồng + dây hui 1.000.000 đồng là 30.000.000 đồng + dây hui 500.000 đồng là 38.500.000 đồng), bà H không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H do tự nguyện rút 01 phần yêu cầu đối với số tiền nợ hui là 6.000.000 đồng (dây hui 1.000.000 đồng là 4.000.000 đồng và dây hui 500.000 đồng là 2.000.000 đồng).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19 tháng 02 năm 2025, bà Võ Thị Thu H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hui với đồng bị đơn bà La Kim C và ông Võ Văn Q. Khi khởi kiện bà La Kim C và ông Võ Văn Q cư trú tại ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đồng bị đơn bà La Kim C và ông Võ Văn Q đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà La Kim C và ông Võ Văn Q theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H về việc yêu cầu bà La Kim C và ông Võ Văn Q thanh toán số tiền hui 99.500.000 đồng

[2.1]. Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thu H yêu cầu rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện với bà La Kim C và ông Võ Văn Q với số tiền 6.000.000 đồng, cụ thể:

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 28/6/2017 âm lịch, bà H rút số tiền 4.000.000 đồng, cụ thể bà Trần Thị T1 (1.000.000 đồng, hốt kỳ 10); bà Lê Thị T2 (1.000.000 đồng, hốt kỳ 15); ông Trần Văn B (1.000.000 đồng, hốt kỳ 16); bà Lê Thị T3 (1.000.000 đồng, hốt kỳ 19).

Dây hụi 500.000 đồng, một tháng khui hai lần, mở ngày 08/5/2017 âm lịch, bà H rút số tiền 2.000.000 đồng, cụ thể: Nguyễn Lan P (1.000.000 đồng, kỳ 19 và kỳ 29); Võ Thị Thu N (500.000 đồng, kỳ 27); bà N1 không rõ họ tên đầy đủ và bà H cũng rút 500.000 đồng. Lý do rút là do bà H xác định bà không chứng minh được việc bà đã giao hụi cho những người này, từ đó không chứng minh được đã đóng thay số tiền 6.000.000 đồng cho ông Q, bà C. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H yêu cầu rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Q, bà C là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, đồng thời đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà C, ông Q đối với số tiền 6.000.000 đồng. Sau này, nếu bà H có chứng cứ chứng minh liên quan đến số tiền 6.000.000 đồng mà bà H đã đóng thay cho bà C, ông Q theo các dây hụi nêu trên, bà H được quyền khởi kiện bà C, ông Q ở vụ án khác.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H về việc yêu cầu bà La Kim C và ông Võ Văn Q thanh toán số tiền hụi 93.500.000 đồng.

[2.2.1]. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2014 âm lịch, sáu tháng khui lần, hụi có 14 chân, bà C và ông Q tham gia 01 chân. Đến kỳ thứ tư ngày 10/7/2015 âm lịch, bà C và ông Q hốt hụi, để số tiền 2.250.000 đồng, hốt được số tiền 42.500.000 đồng, đã trừ đầu thảo 2.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà C và ông Q có đóng lại hụi chết đến kỳ thứ 9 (tính từ thời điểm khui hụi), sang kỳ thứ 10 vợ chồng ông Q, bà C ngưng đóng hụi chết cho bà H. Như vậy, để duy trì dây hụi, bà H đứng ra đóng hụi chết cho vợ chồng ông Q, bà C 05 kỳ (từ kỳ thứ 10 đến kỳ 14) tương đương số tiền 5 kỳ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng. Theo bà H trình bày, từ kỳ thứ 10 đến kỳ 14 bà đều đóng hụi thay cho ông Q, bà H, cụ thể các hụi viên hốt hụi gồm: Kỳ thứ 10 nhằm ngày 10/7/2018 âm lịch, bà Võ Thị H1, hốt được số tiền 54.700.000 đồng; kỳ thứ 11 nhằm ngày 10/01/2018 âm lịch, ông Võ Văn X, hốt được số tiền 55.900.000 đồng; kỳ 12 nhằm ngày 10/7/2019 âm lịch, ông Võ Văn R, hốt được số tiền 57.700.000 đồng; kỳ 13 nhằm ngày 10/01/2019 âm lịch ông Trần Văn T4, hốt được số tiền 60.200.000 đồng; kỳ 14 nhằm ngày 10/7/2020 âm lịch ông Ngô Quốc H2, hốt được số tiền 62.500.000 đồng.

Căn cứ các biên bản lấy lời khai bà Võ Thị H1, ông Võ Văn X, ông Võ Văn R, ông Trần Văn T4 và ông Ngô Quốc H2 đều thống nhất xác định có chơi hụi dây hụi 5.000.000 đồng cùng ông Q, bà C. Quá trình chơi hụi, ông Q và bà C đã hốt hụi. Phía bà H duy trì dây hụi này đến khi mãn hụi; đồng thời bà H1, ông X, ông T4, ông R, ông H2 đều xác định khi họ hốt hụi, bà H giao đủ tiền hụi.

Xét thấy, việc ông Q, bà C không tiếp tục đóng hụi chết theo thỏa thuận là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hụi, họ, biếu, phường và bà H đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hụi chết cho ông Q, bà C 05 kỳ. Thấy rằng, lời khai bà H phù hợp lời khai của những người làm chứng (các hụi viên) gồm bà Võ Thị H1, ông Võ Văn X, ông Võ Văn R, ông Trần Văn T4 và ông Ngô Quốc H2 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà H về yêu cầu Toà án buộc ông Q, bà C trả tiền nợ hui là 5 kỳ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

[2.2.2]. Đối với dây hui 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 28/6/2017 âm lịch, hui có 26 chân, bà C và ông Q tham gia 02 chân, mãn hui ngày 28/6/2019 âm lịch. Đến kỳ thứ ba (ngày 28/8/2017 âm lịch), bà C và ông Q để số tiền 200.000 đồng, hót được số tiền 20.200.000 đồng, đã trừ đầu thảo 500.000 đồng. Tiếp tục kỳ thứ tư (ngày 28/9/2017 âm lịch), bà C và ông Q để số tiền 200.000 đồng, hót được số tiền 20.400.000 đồng. Sau khi hót hui, bà C và ông Q đóng hui chết đến hết kỳ thứ 9 nhằm ngày 28/01/2018 âm lịch, sang kỳ thứ 10 nhằm ngày 28/02/2018 âm lịch, bà C và ông Q ngưng đóng hui và bà H đứng ra đóng thay 17 kỳ (từ kỳ 10 đến 26) tương đương số tiền 17 kỳ x 1.000.000 đồng/chân x 2 chân = 34.000.000 đồng.

Theo bà H trình bày, từ kỳ thứ 10 đến kỳ 26 bà H đã đóng hui thay cho ông Q, bà H, cụ thể các hui viên hót hui gồm: Kỳ thứ 10 nhằm ngày 28/02/2018 âm lịch, bà Trần Thị T1 hót được 21.300.000 đồng; kỳ thứ 11 nhằm ngày 28/03/2018 âm lịch, bà Tiền Thị T5, hót được 21.500.000 đồng; kỳ thứ 12 nhằm ngày 28/04/2018 âm lịch, bà Võ Thị Thu L, hót được 21.700.000 đồng; kỳ thứ 13 nhằm ngày 28/05/2018 âm lịch, bà Võ Thị Thu H hót được 21.900.000 đồng; kỳ thứ 14 nhằm ngày 28/06/2018 âm lịch, bà Nguyễn Kim T6, hót được 22.100.000 đồng; kỳ thứ 15 nhằm ngày 28/07/2018 âm lịch, bà Lê Thị T2 hót được 22.300.000 đồng; kỳ thứ 16 nhằm ngày 28/08/2018 âm lịch, ông Trần Văn B (số tư), hót được 22.500.000 đồng; kỳ thứ 17 nhằm ngày 28/09/2018 âm lịch, bà Lưu Thị T7, hót được 22.700.000 đồng, kỳ thứ 18 nhằm ngày 28/10/2018 âm lịch, bà Võ Thị H3, hót được 23.060.000 đồng, kỳ thứ 19 nhằm ngày 28/11/2018 âm lịch, bà Lê Thị T3, hót được 23.100.000 đồng; kỳ thứ 20 nhằm ngày 28/12/2018 âm lịch, bà Trương Thị L1, hót được 23.600.000 đồng, kỳ thứ 21 nhằm ngày 28/01/2019 âm lịch, ông Bùi Văn Út B1, hót được 23.750.000 đồng, kỳ thứ 22 nhằm ngày 28/02/2019 âm lịch, bà Phạm Thúy N2, hót được 23.900.000 đồng, kỳ thứ 23 nhằm ngày 28/03/2019 âm lịch, bà Lưu Thị T8, hót được 24.050.000 đồng, kỳ thứ 24 nhằm ngày 28/04/2019 âm lịch, bà Tô Hồng T9, hót được 24.200.000 đồng, kỳ thứ 25 nhằm ngày 28/05/2019 âm lịch, bà Nguyễn Thị P1, hót được 24.350.000 đồng, kỳ thứ 26 nhằm ngày 28/06/2019 âm lịch, ông Phạm Văn T10, hót cuối được 24.500.000 đồng, đã trừ đầu thảo.

Căn cứ các biên bản lấy lời khai và các biên bản xác minh đối những người làm chứng (các hui viên) gồm bà Võ Thị H1, bà Tiền Thị T5, bà Võ Thị Thu L, bà Nguyễn Kim T6, bà Tô Hồng T9, ông Phạm Văn T10, bà Lưu Thị T8, bà Phạm Thúy N2, ông Bùi Văn Út B1, bà Trương Thị L1, bà Lưu Thị T7, Võ Thị H3, bà Võ Thị Thu H đều thống nhất xác định có chơi hui dây hui 1.000.000 đồng cùng ông Q, bà C do bà H làm chủ. Quá trình chơi hui, ông Q và bà C đã hót hui. Phía bà H duy trì dây hui này đến khi mãn hui; đồng thời bà H1, bà T5, bà L, bà T6, bà T9, ông T10, bà T8, bà N2, ông B1, bà L1, bà T7, bà H3, bà H đều xác định khi họ hót hui, bà H giao đủ tiền hui.

Xét thấy, việc ông Q, bà H không tiếp tục đóng hui chết theo thoả thuận cho bà H là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hui, họ, biêu, phường và bà H đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hui chết cho ông Q, bà C cho các hui viên gồm bà H1,

bà T5, bà L, bà T6, bà T9, ông T10, bà T8, bà N2, ông B1, bà L1, bà T7, bà H3, bà H. Thấy rằng lời khai bà H phù hợp lời khai những người làm chứng (các hội viên) gồm bà H1, bà T5, bà L, bà T6, bà T9, ông T10, bà T8, bà N2, ông B1, bà L1, bà T7, bà H3, bà H nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà H về yêu cầu Toà án buộc ông Q, bà C trả tiền nợ hội 30.000.000 đồng.

[2.2.3]. Đối với dây hội 500.000 đồng, mở ngày 08/5/2017 âm lịch, mỗi tháng khai 02 lần, hội có 45 chân, mãn hội ngày 08/3/2019 âm lịch, bà C và ông Q tham gia 03 chân, điều đã hốt hội. Sau khi hốt hội, bà C và ông Q đã đóng hội chết đến hết kỳ 18 nhằm ngày 22/01/2018 âm lịch, sang kỳ 19 nhằm ngày 08/02/2018 âm lịch, ông Q, bà C ngưng đóng hội, bà H đứng ra đóng hội thay ông Q, bà C từ kỳ 19 đến kỳ 27, tương đương số tiền 40.500.000 đồng.

Căn cứ biên bản lấy lời khai của những hội viên ông Võ Văn X, ông Trì Hà K, bà Lý Thị Hồng T11, bà Nguyễn Kim T6, bà Đặng Thị T12, bà Lý Thị Hồng T11, bà Võ Thị Thu H, bà Phạm Thúy N2, bà Võ Thị H1, bà Tô Hồng T9, bà Phạm Thúy N2, bà Nguyễn Thị P1, bà Trương Thị L1, bà Võ Thị H3, bà Nguyễn Thị T13 đều thống nhất xác định có chơi hội cùng bà C, ông Q do bà H làm chủ. Quá trình chơi hội, bà C, ông Q đều đã hốt hội, đồng thời khi các hội viên hốt hội, bà H đã giao hội đầy đủ và duy trì đến khi mãn hội.

Xét thấy, việc ông Q, bà C không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho bà H là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biểu, phường và bà H đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hội chết cho ông Q, bà C cho các hội viên có nhu cầu hốt hội; Lời khai bà H phù hợp lời khai những người làm chứng ông Võ Văn X, ông Trì Hà K, bà Lý Thị Hồng T11, bà Nguyễn Kim T6, bà Đặng Thị T12, bà Lý Thị Hồng T11, bà Võ Thị Thu H, bà Phạm Thúy N2, bà Võ Thị H1, bà Tô Hồng T9, bà Nguyễn Thị P1, bà Trương Thị L1, bà Võ Thị H3, bà Nguyễn Thị T13 và bà H đã có đơn rút số tiền hội 2.000.000 đồng của hội viên Nguyễn Lan P (1.000.000 đồng, kỳ 19 và kỳ 29); Võ Thị Thu N (500.000 đồng, kỳ 27); bà N1 không rõ họ tên đầy đủ và bà H cũng rút 500.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà H về yêu cầu Toà án buộc ông Q, bà C trả tiền nợ hội là 38.500.000 đồng.

[3]. Từ đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Q, bà C thanh toán cho bà H, ông T số tiền hội 93.500.000 đồng. Do bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Q, bà C phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 4.675.000 đồng, nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bà H không phải chịu án phí. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 2.487.500 theo Biên lai số 0004673 ngày 20/3/2025 được hoàn lại tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[5]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, bieu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với ông Võ Văn Q và bà La Kim C về việc trả số tiền nợ hội 93.500.000 đồng (*chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Buộc ông Võ Văn Q và bà La Kim C cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Thu H và ông Trần Văn T số tiền nợ hội 93.500.000 đồng (*chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với ông Võ Văn Q và bà La Kim C về việc trả số tiền nợ hội 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với ông Võ Văn Q và bà La Kim C về việc trả số tiền nợ hội 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Võ Văn Q và bà La Kim C phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 4.675.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bà Võ Thị Thu H không phải chịu án phí. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 2.487.500 theo Biên lai số 0004673 ngày 20/3/2025 được hoàn lại tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;

- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi